TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 27 - 7 - 2021.
V/v: " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Bùi Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1968.

Bị đơn: Ông Vũ Xuân C, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày:

Bà kết hôn với ông Vũ Xuân C ngày 17 tháng 6 năm 1988 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2021 bà phát hiện ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà và các con đã khuyên ngăn nhưng ông C không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Hương G sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988; Vũ Thu T sinh ngày 17 tháng 10 năm 1990 và Vũ Minh Q sinh ngày 09 tháng 3 năm 2005. Hiện nay cháu Vũ Hương G và Vũ Thu T đã trưởng thành tự lập, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Vũ Minh Q đang ở với bà K, khi ly hôn bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 6 năm 2021, cụ Lê Thị T (là mẹ đẻ ông C) trình bày:

Ông Vũ Xuân C và bà Phạm Thị K kết hôn năm 1988 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn ông bà chung sống bình thường, sau đó ông C đi làm tự do, bà K làm giáo viên mầm non tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà K và ông C, cụ T không biết.

Cụ T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Cụ đã thông báo cho ông C biết việc Tòa án gửi cho ông các văn bản trên, ông C có quan điểm: việc bà K muốn ly hôn là tùy bà, ông không đến Tòa án giải quyết, ông còn đi làm để nuôi sống bản thân và chu cấp cho cháu Q ăn học, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Hương G sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988; Vũ Thu T sinh ngày 17 tháng 10 năm 1990 và Vũ Minh Q sinh ngày 09 tháng 3 năm 2005. Hiện nay cháu Vũ Hương G và Vũ Thu T đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng, cháu Vũ Minh Q đang ở với bà K. Quan điểm của ông C về con chung khi ly hôn: ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông C, bà K có xây dựng nhà trên đất của cụ T, phần móng nhà do cụ và các con cụ T xây dựng. Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa bà K ông C đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị K.

Về con chung: Cháu Vũ Hương G, Vũ Thu T đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng, đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Vũ Minh Q của bà K. Buộc ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Bà K phải nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Ông C phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Bà K có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K ông C là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Bà Phạm Thị K và ông Vũ Xuân C kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 1988 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bà K phát hiện ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông C đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà K là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Hương G sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988; Vũ Thu T sinh ngày 17 tháng 10 năm 1990 và Vũ Minh Q sinh ngày 09 tháng 3 năm 2005. Hiện nay cháu Vũ Hương G, Vũ Thu T đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng nên bà K, ông C không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu Vũ Minh Q đang ở với bà K, khi ly hôn bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q, yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con đến khi trưởng thành tự lập được. Qua lời khai của cụ T: Ông C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: cháu Vũ Minh Q hiện nay đang ở với bà K, ông C đi làm ăn xa không

thuận tiện cho việc chăm sóc nuôi dưỡng học tập của cháu Q. Bà K có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu ông C cấp dưỡng. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định học tập đối với cháu Q, HĐXX thấy cần giao cháu Vũ Minh Q cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của bà K về việc buộc ông C cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Bà Phạm Thị K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Ông Vũ Văn C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa bà Phạm Thị K và ông Vũ Văn C.

2. Về con chung:

Cháu Vũ Hương G sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988 và Vũ Thu T sinh ngày 17 tháng 10 năm 1990 đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng. Bà K và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao bà Phạm Thị K có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Vũ Minh Q sinh ngày 09 tháng 3 năm 2005.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Vũ Xuân C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Minh Q cùng bà K mỗi tháng là 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2021 đến khi cháu Q trưởng thành tự lập.

Ông Vũ Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002387 ngày 16/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí bà K phải nộp. Bà K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí cấp dưỡng: Ông Vũ Xuân C phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị K, ông Vũ Xuân C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng